TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 27/2022/HSST
Ngày 06/5/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Kiên Trung.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hà Huy Khoa.
2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 4 và 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2022/TLST- HS ngày 18 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2022, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/2022/QB-TA ngày 05 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐ-HĐXX ngày 22 tháng 4 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/QĐST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn M, sinh ngày 02/8/1966 tại TB; nơi cư trú: Thôn T 2, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh TB; trình độ văn hóa (học vấn): 01/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C (đã chết. Ông C được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba và Huy chương kháng chiến hạng nhì trong kháng chiến chống Mỹ) và bà Phí Thị C (đã chết. Bà C được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất trong kháng chiến chống Mỹ); có vợ là Phạm Thị H, sinh năm 1977 và có 03 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2709/QĐ-XPVPHC ngày 07/4/2020 của UBND huyện ĐH về hành vi đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng, M đã nộp phạt ngày 14/4/2020; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 29/3/1992 tại TB; nơi cư trú: Thôn Lương Đống, xã Hà Giang, huyện ĐH, tỉnh TB; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Cảnh D, sinh năm 1966 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1971; có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1994 và có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Quyết định

xử phạt vi phạm hành chính số 5754/QĐ-XPVPHC ngày 21/9/2020 của UBND huyện ĐH về hành vi đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng, T2 đã nộp phạt ngày 22/9/2020; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

3. Đặng Đình K, sinh ngày 18/01/1974 tại TB; nơi cư trú: Thôn Trưng Trắc A, xã ĐA, huyện ĐH, tỉnh TB; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Đình N, sinh năm 1928 (Ông N được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì trong kháng chiến chống Mỹ) và bà Phí Thị X, sinh năm 1933; có vợ là Bùi Thị N, sinh năm 1976 và có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5515/QĐ-XPVPHC ngày 03/10/2018 của UBND huyện ĐH về hành vi đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng, K đã nộp phạt ngày 05/10/2018; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

4. Nhâm Gia Q, **s**inh ngày 08/4/1975 tại TB; nơi cư trú: Thôn Trưng Trắc B, xã ĐA, huyện ĐH, tỉnh TB; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nhâm Gia P (đã chết. Ông P được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba trong kháng chiến chống Mỹ) và bà Lê Thị S, sinh năm 1931; có vợ là Phí Thị H, sinh năm 1978 và có 01 con, sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 346/QĐ-XPHC ngày 01/6/2012 của Công an huyện ĐH về hành vi đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng, Q đã nộp phạt ngày 04/6/2012; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

5. Lê Văn T, sinh ngày 22/8/1987 tại TB; nơi cư trú: Thôn Đông A, xã ĐA, huyện ĐH, tỉnh TB; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S, sinh năm 1960 và bà Tống Thị N, sinh năm 1962; có vợ là Đặng Thị M, sinh năm 1989 và có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Tháng 02/2006 nhập ngũ tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam, tháng 7/2007 xuất ngũ về địa phương lao động tự do. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 24/01/2022, T bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Vũ Thư bắt tạm giam về hành vi "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện VT (có mặt tại phiên tòa).

6. Đoàn Văn L, sinh ngày 08/11/1986 tại TB; nơi cư trú: Thôn Đông A, xã ĐA, huyện ĐH, tỉnh TB; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn T, sinh năm 1962 và bà Phí Thị C, sinh năm 1965; có vợ là Hoàng Thị Lan P, sinh năm 1989 và có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

7. Tống Văn T1, sinh ngày 25/8/1982 tại TB; nơi cư trú: Thôn Đông A, xã ĐA, huyện ĐH, tỉnh TB; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông Tống Văn N, sinh năm 1956 và bà Nhâm Thị L, sinh năm 1955; có vợ là Trần Thị H, sinh năm 1986 và có 03 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

8. Phạm Thị H, sinh ngày 06/11/1984 tại TB; nơi cư trú: Thôn T, xã ĐM, thành phố TB, tỉnh TB; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Công R, sinh năm 1957 và bà Khổng Thị H, sinh năm 1958; có chồng là Bùi Quang H, sinh năm 1981 và có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Chị Đặng Thị M, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn Đ, xã ĐA, huyện ĐH, tỉnh TB (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 06/01/2022, Phạm Văn M mua được con gà chọi. Đến buổi trưa cùng ngày, Lê Văn T, Tống Văn T1, Nhâm Gia Q và Đặng Đình K biết nên đến nhà M xem con gà chọi này. Sau đó cùng nhau thống nhất đánh bạc bằng hình thức đánh ba cây, được thua bằng tiền, họ đều không nhớ ai là người đã khởi xướng việc đánh bạc. T gọi điện cho Nguyễn Thanh T2 đến đánh bạc. T2 đồng ý nên đã mang theo toàn bộ số tiền đi bán hàng thịt ở chợ, còn trong túi quần để đánh bạc, còn K gọi điện thoại cho Đoàn Văn L ở cùng xã đến nhà M. L nghĩ K rủ đi đánh bạc nên cũng chuẩn bị tiền mang theo để đánh bạc tại nhà M. Một lát sau, L đi xe máy đến nhà M. Những người trên thống nhất hình thức đánh bạc là đánh ba cây. M chốt cửa nhà rồi giục mọi người "Lên thôi", mọi người đi theo M lên tầng 3 của ngôi nhà đó và vào gian phòng bên ngoài ngay giáp cầu thang lên xuống. Trong phòng, nền nhà được trải tấm thảm đỏ, bộ bài tú lơ khơ đã có sẵn trong gian phòng, bỏ đi các cây bài từ 10 và các cây bài có hình, chỉ để lại các quân bài từ 2 đến 9 và quân A, điểm cao nhất là điểm 10 khi cộng tổng các quân bài được chia, nếu cộng tổng mà lớn hơn 10 thì số điểm được tính là số hàng đơn vị. Khi chơi, người thua phải trả người thắng 100.000 đồng. Tùy vào người chơi thì có thể đặt cược thêm với số tiền nhỏ nhất là 50.000 đồng, lớn nhất không quá 200.000 đồng. Người chơi nào được 10 điểm thì sẽ nhân đôi số tiền đã cược và sẽ cầm cái cho ván bài tiếp theo, ngoài ra không quy định gì khác, vị trí mọi người ngồi thành hình vòng tròn. Nhìn từ ngoài cửa ra vào gian nhà thì phía bên tay phải là T, kế tiếp là Q, K, L, T1 rồi đến M. Mọi người đến đánh bạc đều nộp tiền hồ cho M là 100.000 đồng. M không có tiền nên dùng chính số tiền này để cùng tham gia đánh bạc. Khoảng 13 giờ cùng ngày, những người trên đang đánh bạc thì T2 đến. Tới nơi, thấy cửa đóng, T2 gọi điện cho T nói đã tới nơi, T nói với M việc T2 đến nên M xuống mở cửa. T2 vào nhà và đi luôn lên tầng ba, lên tới nơi, nhìn mọi người chơi 1 ván là hiểu ngay cách thức đánh và đặt cửa để chơi nên ngồi ngay xuống bên cạnh tay trái của T và đối diện với L, rồi đóng tiền

hồ cho M 100.000 đồng. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, H đến thăm con trai của M bị ốm. Khi đi, H mang theo số tiền 12.500.000 đồng, đến nơi, M xuống mở cửa cho H vào rồi đóng cửa và đi lên tầng 3. Ngồi chơi với cháu trong vài phút, H nghe thấy tiếng nói trên tầng vọng xuống nên biết trên đó đang đánh bạc, H rút ra 200.000 đồng đưa cho cháu rồi đi lên tầng ba. Lên tới nơi, H thấy M cùng 06 người khác đang đánh bạc, xem mọi người đánh một tý, H biết mọi người đang đánh ba cây, không ai rủ nhưng H vẫn ngồi xuống tham gia đánh bạc, vị trí H ngồi giữa M và T2 (đối diện với K). Khi đánh bạc, H bỏ ra 2.900.000 đồng để đánh, đóng tiền hồ cho M 100.000 đồng. Đến 14 giờ 45 phút cùng ngày, thì bị Công an huyện ĐH phát hiện bắt quả tang đang đánh bạc. Khi Công an vào gian phòng đang đánh bạc, các đối tượng cầm theo toàn bộ số tiền dùng vào đánh bạc và tiền thắng bạc, có một số đối tượng đã bỏ chạy nên chỉ thu giữ được bộ bài tú lơ khơ gồm 36 quân bài; thu được tiền trong người của một số đối tượng chưa chạy kịp gồm: Thu của T2 2.800.000 đồng mà T2 đang ngậm ở miệng trong tình trạng lộn xộn và 2.500.000 đồng ở túi quần trước, bên phải trong tình trạng gấp đôi và 01 điện thoại Iphone 7 vỏ màu hồng; thu của M 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus vỏ màu xám; thu của Phạm Văn T 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus vỏ màu hồng; Thu trong áo khoác màu xanh bên phải của H 9.400.000 đồng và 1.900.000 đồng bên túi áo khoác trái. Chiếc áo khoác này H treo tại gian phòng ngủ tầng 2 của nhà M vì khi bị Công an huyện ĐH phát hiện việc đánh bạc, H đã chạy xuống gian phòng ngủ của nhà M để cất dấu. Còn L, T1, K và Q đã bỏ chạy khỏi nơi đánh bạc. Công an huyện ĐH lập biên bản sự việc, sau đó đưa những người còn có mặt tại nơi đánh bạc đến trụ sở Công an làm việc cùng với các vật chứng đã thu giữ. Buổi chiều cùng ngày, L đến Công an huyện ĐH trình diện; ngày 07/01/2022, T1 đến Công an huyện ĐH trình diện. Đến ngày 09/01/2022, Q và K đến Công an huyện ĐH trình diện. Khi đến, T1, L, Q và K đều tự nguyện giao nộp lại số tiền đã dùng vào đánh bạc và số tiền đánh bạc thắng.

Quá trình điều tra, các đối tượng khai nhận số tiền dùng vào đánh bạc:

1.Phạm Văn M: Do không có tiền nên M chỉ sử dụng 700.000 đồng là tiền thu được tiền hồ của 07 đối tượng để đánh bạc. Tại thời điểm Cơ quan Công an bắt quả tang, M đã đánh thua hết số tiền này.

2. Nguyễn Thanh T2: Khi thấy T gọi điện rủ đến nhà M đánh bạc, T2 đồng ý nên đã mang theo toàn bộ số tiền 3.200.000 đồng tiền T2 vừa đi bán thịt lợn về; sử dụng 3.100.000 đồng để đánh bạc, nộp100.000 đồng tiền hồ. Quá trình chơi thắng được 2.200.000 đồng, tại thời điểm bắt quả tang, T2 đã ngậm ở miệng số tiền 2.800.000 đồng và cất số tiền 2.500.000 đồng trong tại túi quần trước bên phải.

3. Đặng Đình K: Mang theo 700.000 đồng, sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc, nộp 100.000 đồng tiền hồ. Tại thời điểm bắt quả tang, K đang thắng 1.700.000 đồng. K chạy thoát khỏi nơi đánh bạc, đã vơ toàn bộ số tiền đánh bạc và thắng bạc bỏ chạy. Ngày 09/01/2022, K đến Cơ quan điều tra Công an huyện ĐH trình diện, khai báo sự việc và tự nguyện giao nộp số tiền 2.300.000 đồng.

4. Nhâm Gia Q: Mang theo người 800.000 đồng, đã sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc, nộp100.000 đồng tiền hồ. Tại thời điểm bắt quả tang, Q đang thắng 1.700.000 đồng, Q đã bỏ chạy được khỏi nơi đánh bạc và vơ toàn bộ số tiền đánh bạc và thắng bạc bỏ chạy. Đến ngày 09/01/2022, Q đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ĐH để trình diện, khai báo sự việc và tự nguyện giao nộp số tiền 2.400.000 đồng.

5. Lê Văn T: Mang theo 1.700.000 đồng, sử dụng 1.600.000 đồng để đánh bạc, nộp 100.000 đồng tiền hồ. Tại thời điểm bắt quả tang, T đã thua hết số tiền này.

6. Đoàn Văn L: Vì khi thấy K gọi điện rủ xuống nhà M chơi, L nghĩ K rủ đi đánh bạc nên đã mang theo 4.200.000 đồng. Số tiền này, L sử dụng 4.100.000 đồng để đánh bạc, nộp 100.000 đồng tiền hồ. Thời điểm bắt quả tang, L đang thua nên số tiền còn lại là 3.200.000 đồng, do hoảng sợ nên L đã vơ toàn bộ số tiền đó bỏ chạy về nhà. Buổi chiều cùng ngày L lên cơ quan điều tra để làm việc và đã tự nguyện giao nộp số tiền 3.200.000 đồng.

7. Tống Văn T1 mang theo 3.000.000 đồng, sử dụng 2.900.000 đồng để đánh bạc, nộp 100.000 đồng tiền hồ. Tại thời điểm bắt quả tang T1 đang thua nên chỉ còn 1.500.000 đồng, do hoảng sợ nên T1 đã vơ toàn bộ số tiền này bỏ chạy. Ngày 07/01/2022, T1 đến cơ quan điều tra để trình diện, khai báo sự việc và tự nguyện giao nộp số tiền 1.500.000 đồng.

8. Phạm Thị H: Khi đi mang theo 12.600.000 đồng. H đã cho con của M 200.000 đồng; nộp 100.000 tiền hồ cho M, rút ra 2.900.000 đồng để đánh bạc. Số tiền còn lại 9.400.000 đồng không sử dụng để đánh bạc để tại túi áo khoác bên phải vì đây là tiền dùng để trả Ngân hàng chính sách vào ngày hôm sau. Tại thời điểm bắt quả tang, H thua 1.000.000 đồng nên số tiền dùng vào đánh bạc chỉ còn 1.900.000 đồng, thời điểm bỏ chạy xuống gian phòng ngủ của nhà M, H cất số tiền này trong túi áo khoác bên trái.

Về việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật: 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân từ A đến 9; 01 thảm đỏ các đối tượng sử dụng ngồi đánh bạc; 16.600.000 đồng là tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc và 9.400.000 đồng của Phạm Thị H không sử dụng vào mục đích đánh bạc; và 01 điện thoại di động Iphone 7 vỏ màu hồng thu của T2; 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus vỏ màu xám thu của M; 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus vỏ màu hồng thu của T.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi cùng nhau đánh bạc dưới hình thức đánh ba cây, sát phạt nhau bằng tiền như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Trong quá trình đánh bạc, không có người canh coi, không có người cho vay, cầm cố tài sản.

Bị cáo Phạm Văn M đề nghị được nhận lại chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus của bị cáo và tấm thảm đỏ của gia đình bị cáo. Bị cáo Phạm Thị H đề nghị được nhận lại số tiền 9.400.000 đồng bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc. Bị cáo Nguyễn Thanh T2 đề nghị được nhận lại chiếc điện thoại di động Iphone 7 vì đây là vật dụng bị cáo dùng liên lạc hàng ngày với gia đình và khách hàng. Bị cáo Lê Văn T đề nghị trả lại cho vợ bị cáo là Đặng Thị M chiếc điện thoại di động Iphone 8 Plus vì chiếc điện thoại này vợ bị cáo mua cho bị cáo sử dụng để liên lạc hàng ngày với gia đình và hành khách đi xe ô tô của bị cáo.

Chị Đặng Thị M (vợ của bị cáo Lê Văn T) trình bày: Chiếc điện thoại di động Iphone 8 Plus thu giữ của Lê Văn T là của chị cho T mượn để T sử dụng liên lạc với gia đình và hành khách đi xe ô tô của T. Chị đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho chị chiếc diện thoại trên.

Bản cáo trạng số 17/CT- VKSĐH ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân huyện ĐH truy tố các bị cáo Phạm Văn M, Nguyễn Thanh T2, Đặng Đình K, Nhâm Gia Q, Lê Văn T, Đoàn Văn L, Tống Văn T1 và Phạm Thị H về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật như trên và Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự, Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn M mức án từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T2 mức án từ 09 tháng tù đến 01 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo từ 6.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; khoản 1, 2 Điều 65; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự; Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; .

Xử phạt bị cáo Đặng Đình K mức án từ 09 tháng tù đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm. Phạt bổ sung bị cáo từ 6.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; khoản 1, 2 Điều 65; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự. Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt bị cáo Nhâm Gia Q mức án từ 09 tháng tù đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm. Phạt bổ sung bị cáo từ 6.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Giao các bị cáo Phạm Văn M, Đặng Đình K và Nhâm Gia Q cho UBND xã nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Bị cáo M, K và Q sẽ phải chịu hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự nếu trong thời gian thử thách các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T mức án từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo từ 6.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng: áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; khoản 3 Điều 35; Điều 36; Điều 50; Điều 17; điểm s,i khoản 1 Điều 51 BLHS

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn L từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ.

Do bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Phạt bổ sung bị cáo từ 6.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo L cho UBND xã ĐA, huyện ĐH, tỉnh TB giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã ĐA trong việc giám sát, giao dục bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58, Điều 50, Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Phạt tiền bị cáo Tống Văn T1 từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T1.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58, Điều 50, Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Phạt tiền bị cáo Phạm Thị H từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 16.600.000 đồng mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân từ A đến 9;

- T trả lại cho: Bị cáo H 9.400.000 đồng, bị cáo M 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus vỏ màu xám và 01 tấm thảm đỏ; bị cáo T2 01 điện thoại Iphone 7 vỏ màu hồng và trả lại cho chị Đặng Thị M (vợ bị cáo T) 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus vỏ màu hồng.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Tranh luận:

- Các bị cáo Phạm Văn M, Đặng Đình K, Nhâm Gia Q, Lê Văn T, Đoàn Văn L, Tống Văn T1 và Phạm Thị H không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

- Bị cáo Nguyễn Thanh T2 cho rằng: Bị cáo cũng bị xử phạt hành chính như bị cáo M, thì tại sao bị cáo M được hưởng án treo mà bị cáo lại không được hưởng án treo. Viện kiểm sát đã vận dụng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Điều 65 Bộ luật Hình sự về điều kiện cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo để giải thích rõ cho bị cáo biết sự khác nhau về thời điểm được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính đối

với bị cáo M và bị cáo Tùng nên vẫn giữ nguyên đề nghị truy tố về loại hình phạt đối với Tùng.

Sau đó, bị cáo Tùng cho rằng, bị cáo cùng tham gia đánh bạc dưới hình thức "Đá gà" với bị cáo M tại nhà của anh Biển ở xã ĐC, huyện ĐH nhưng quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Phạm Văn M thể hiện xử phạt ngày 07/4/2020, còn quyết định xử phạt vi phạm hành chính của bị cáo thể hiện xử phạt ngày 21/9/2020. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ tại sao thời điểm xử phạt vi phạm hành chính của bị cáo M và của bị cáo lại khác nhau, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị cáo.

Hội đồng xét xử đã thảo luận và quyết định trở lại việc xét hỏi để làm rõ lời trình bày trên của bị cáo Nguyễn Thanh T2.

Bị cáo Phạm Văn M khai: Ngày 09/3/2020, bị cáo có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh chắn tại nhà ở của anh Tâm ở xã ĐA, huyện ĐH, tỉnh TB cùng một số người khác; ngày 07/4/2020 bị cáo bị UBND huyện ĐH ra Quyết định xử phạt hành chính, mức phạt 1.500.000 đồng, bị cáo đã nộp phạt ngày 14/4/2020. Tại nhà anh Biển ở xã ĐC, huyện ĐH, tỉnh TB, bị cáo không tham gia đánh bạc mà chỉ đến để xem T2 và một số người khác đá gà ăn tiền nên bị cáo không bị xử phạt hành chính.

Bị cáo Nguyễn Thanh T2 vẫn giữ nguyên lời khai về việc bị cáo cùng tham gia đánh bạc dưới hình thức "đá gà" với bị cáo Phạm Văn M tại nhà của anh Biển ở xã ĐC, huyện ĐH, tỉnh TB nhưng thời điểm xử phạt vi phạm hành chính của bị cáo M và của bị cáo lại khác nhau.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh lời khai trên của bị cáo Phạm Văn M và Nguyễn Thanh T2.

Hội đồng xét xử đã thảo luận và quyết định tạm ngừng phiên tòa để thu thập hồ sơ liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Văn M và Nguyễn Thanh T2.

Kết quả xác minh: Tại công văn số 335/CV-CAH ngày 04/5/2022, Công an huyện ĐH, tỉnh TB cung cấp cho Tòa án như sau: Căn cứ hồ sơ XP số 24XP0620/1109D của Công an huyện ĐH, xác định: Ngày 09/3/2020, Phạm Văn M có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh "Chắn" được thua bằng tiền cùng các đối tượng Phí Thành Tâm, sinh năm 1970; Bùi Công Khanh, sinh năm 1978, cùng có HKTT tại xã ĐA, huyện ĐH; Đào Quang Huyến, sinh năm 1968, HKTT tại xã Đông Phong (nay là xã Đông Quan), huyện ĐH, tỉnh TB tại nhà ở của Phí Thành Tâm ở xã ĐA, huyện ĐH, tỉnh TB. Sau đó, Phạm Văn M bị xử phạt hành chính theo quyết định xử phạt hành chính số 2709 ngày 07/4/2020 của UBND huyện ĐH, mức phạt là 1.500.000 đồng.

Căn cứ hồ sơ XP số 49XP1020/118509D của Công an huyện ĐH, xác định: Ngày 03/9/2020, Nguyễn Thanh T2 có hành vi đánh bạc dưới hình thức "đá gà" được thua bằng tiền cùng các đối tượng Phạm Văn T, sinh năm 1962; Phạm Văn Q, sinh năm 1963; Phạm Văn T, sinh năm 1969; Hà Trung H, sinh năm 1982 cùng có HKTT tại xã ĐC, huyện ĐH; Nguyễn Công T, sinh năm 1986, HKTT tại xã TQ, huyện ĐH; Nguyễn Bình H, sinh năm 1969; Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1974; Phạm Văn T, sinh năm 1970 cùng có HKTT tại xã N, huyện ĐH tại nhà ở của Phạm Văn B, sinh năm 1964, xã ĐC, huyện ĐH, tỉnh TB. Sau đó, Nguyễn Thanh T2 bị xử phạt hành chính theo quyết định xử phạt hành chính số 5754 ngày 21/9/2020 của

UBND huyện ĐH, mức phạt là 1.500.000đồng. Trong vụ việc này xác định, quá trình T2 và các đối tượng tham gia đánh bạc thì Phạm Văn M và nhiều đối tượng khác cũng có mặt tại đây nhưng M và các đối tượng này không tham gia đánh bạc mà chỉ đến để xem đá gà. Vì vậy, Công an huyện ĐH không có căn cứ để lập hồ sơ xử lý đối với M.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022 tiếp tục phiên tòa xét xử các bị cáo.

Sau khi nghe Hội đồng xét xử công bố kết quả xác minh và một số tài liệu có trong hồ sơ liên quan đến nhân thân của bị cáo Phạm Văn M và Nguyễn Thanh T2 thì bị cáo Nguyễn Thanh T2 có ý kiến: Do bị cáo tâm lý hoang mang và không am hiểu pháp luật nên bị cáo mới khai là bị cáo bị xử phạt vi phạm hành chính cùng với bị cáo Phạm Văn M. Nay bị cáo đã hiểu và không có ý kiến thắc mắc gì thêm, bị cáo nhất trí với kết quả xác minh của Hội đồng xét xử.

Các bị cáo khác đều nhất trí với kết quả xác minh của của Hội đồng xét xử.

Kết thúc việc xét hỏi.

Tiếp tục phần tranh luận:

Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên lời luận tội như tại phiên tòa ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều rất ân hận về hành vi phạm tội của bản thân và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt chính cũng như hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Mặc dù tại phiên tòa ngày 28/4/2022, bị cáo T2 khai, bị cáo và bị cáo M bị xử phạt vi phạm hành chính cùng một thời điểm nhưng theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xác minh của Tòa án cho thấy bị cáo Phạm Văn M chỉ bị xử phạt hành chính theo quyết định xử phạt hành chính số 2709 ngày 07/4/2020 của UBND huyện ĐH, mức phạt là 1.500.000 đồng và bị cáo Nguyễn Thanh T2 bị xử phạt hành chính theo quyết định xử phạt hành chính số 5754 ngày 21/9/2020 của UBND huyện ĐH, mức phạt là 1.500.000 đồng. Tại phiên tòa ngày 06/5/2021 bị cáo T2 và các bị cáo khác đều nhất trí với kết quả xác minh của Hội đồng xét xử và không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đến thời điểm xét xử là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, số người tham gia đánh bạc, hình thức đánh bạc, số tiền của từng bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc, vật chứng thu giữ tại nơi đánh bạc và các tài sản Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ĐH đã thu giữ và quản lý. Lời khai nhận tội của các bị cáo là chứng cứ buộc tội giữa các bị cáo với nhau và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc do Công an huyện ĐH lập hồi 15 giờ

00 phút ngày 06/01/2022 tại gia đình Phạm Văn M; Biên bản giao, nhận tài liệu đồ vật, dữ liệu điện tử do Công an huyện ĐH lập ngày 06, 07 và 09/01/2022; Biên bản kiểm tra điện thoại của Lê Văn T và Nguyễn Thanh T2 và tin nhắn chụp trên màn hình điện thoại của Nguyễn Thanh T2 bằng giấy A4, T2 đã ký xác nhận; Sơ đồ vị trí ngồi đánh bạc. Hội đồng xét xử có đủ cơ sơ kết luận: Hồi 14 giờ 45 phút ngày 06/01/2022, tại gian phòng tầng 3 của gia đình Phạm Văn M thuộc thôn T 2, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh TB, Nguyễn Thanh T2, Lê Văn T, Đặng Đình K, Nhâm Gia Q, Phạm Văn M, Đoàn Văn L, Tống Văn T1 và Phạm Thị H có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức "đánh ba cây" với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 16.600.000 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm nghìn đồng). Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH đã truy tố.

Điều 321. Tội Đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, xâm hại đến kinh tế của bản thân và gia đình các bị cáo, là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ, hậu quả do mình thực hiện nhưng vì ham vui, ham muốn vật chất nhất thời dẫn đến việc phạm tội; các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[5] Xét vai trò của các bị cáo thấy: Trong vụ án này xác định là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn vì cả 08 bị cáo đều là người thực hành cùng tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh ba cây, được thua bằng tiền. Bị cáo M là chủ nhà đã tạo điều kiện về địa điểm và công cụ phạm tội, đồng thời cùng tham gia đánh bạc bằng chính số tiền hồ thu được nên bị cáo M giữ vai trò thứ nhất. Các bị cáo còn lại tuy sử dụng số tiền khác nhau để đánh bạc và thời gian tham gia đánh bạc khác nhau nhưng đều là người đồng thực hành nên đều giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[6] Khi quyết định hình phạt, xét thấy:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ:

Các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T có thời gian tham gia Quân đội nhân

dân Việt Nam; M có bố, mẹ đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến chống Mỹ; K và Q có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ nên bị cáo T, M, K và Q được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân của các bị cáo: Trong số 08 bị cáo, có 04 bị cáo là T2, M, Q và K là người có nhân thân xấu, các bị cáo này đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo; Hội đồng xét xử thấy:

Về hình phạt chính:

Trong số các bị cáo có nhân thân xấu trên có bị cáo T2 đã bị xử phạt hành chính theo Quyết định số 5754/QĐ-XPVPHC ngày 21/9/2020 của UBND huyện ĐH xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng, T2 đã nộp phạt ngày 22/9/2020. Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về điều kiện cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo:

" Điều 2. Điều kiện cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo

Người bị xử phạt tù có thể được xem xét cho hưởng án treo khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Bị xử phạt tù không quá 03 năm.

2. Có nhân thân tốt.

Được coi là có nhân thân tốt nếu ngoài lần phạm tội này, người phạm tội luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, nơi làm việc.

Đối với người đã bị kết án nhưng thuộc trường hợp được coi là không có án tích, người bị kết án nhưng đã được xóa án tích, người đã bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật mà thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật tính đến ngày phạm tội lần này đã quá 06 tháng, nếu xét thấy tính chất, mức độ của tội phạm mới được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng hoặc người phạm tội là đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án và có đủ các điều kiện khác thì cũng có thể cho hưởng án treo"

Với quy định trên thì thời hạn được xóa tiền sự của T2 đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là ngày 21/9/2021. Song kể từ ngày đó đến thời điểm phạm tội lần này tức ngày 06/01/2022 thì chưa đủ 06 tháng nên không đủ điều kiện cho T2 hưởng án treo.

Đối với bị cáo Phạm Văn T, tuy bị cáo không có tiền án, tiền sự, song trước khi thực hiện hành vi phạm tội này, bị cáo còn vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ xảy ra ngày 30/10/2021 tại thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh TB nên sau đó T đã bị tạm giam về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 02 ngày 24/01/2022, hiện vẫn đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Vũ Thư.

Do vậy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo T2 và T để cách ly bị cáo T2 và T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để các bị cáo thấy rõ tính nghiêm minh của pháp luật mà cải tạo bản thân, trở thành người có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo M, K và Q cũng đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Song thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính tính đến ngày phạm tội lần này đã quá 06 tháng, xét thấy tính chất, mức độ của tội phạm được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo cũng đủ răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Đối với bị cáo L: Bị cáo tham gia đánh bạc ngay từ đầu, số lượng tiền bị cáo đánh lớn nhất. Song bị cáo có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nên đủ điều kiện áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo. Khi áp dụng loại hình phạt này còn bị khấu trừ thu nhập từ 5% đến 20% để sung ngân sách Nhà nước. Song bị cáo L là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên miễn việc áp dụng khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Đối với bị cáo T1 và bị cáo H: Các bị cáo đều phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có nhân thân tốt. Số tiền dùng đánh bạc ít hơn bị cáo L. Thời gian tham gia đánh bạc của bị cáo H ít hơn so với các bị cáo khác. Do vậy, chỉ cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với bị cáo T1 và bị cáo H cũng đủ để răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo bị phạt tù có thời hạn, phạt tù nhưng cho hưởng án treo, cải tạo không giam giữ để sung ngân sách Nhà nước. Đối với các bị cáo bị áp dụng phạt tiền là hình phạt chính thì không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 16.600.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

- 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân từ A đến 9 là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 9.400.000 đồng thu giữ của bị cáo H, không liên quan đến việc phạm tội cần tuyển trả lại cho bị cáo H.

- 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus thu của M không liên quan đến việc phạm tội; 01 tấm thảm đỏ mặc dù các bị cáo sử dụng để ngồi đánh bạc nhưng đây là tài sản của gia đình M. Vì vậy, cần trả lại M chiếc điện thoại di động và tấm thảm đỏ trên.

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone 7 thu của T2; 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus thu của T (nguồn gốc là của chị M vợ T cho T mượn sử dụng) là điện thoại mà các bị cáo đã sử dụng gọi nhau đi đánh bạc. Song xét thấy, đây là vật dụng mà các bị cáo sử dụng hàng ngày để liên lạc với gia đình và công việc, chỉ bột phát sử dụng một lần để gọi nhau đi đánh bạc, không phải là công cụ, phương tiện chính để thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T2 đề nghị được nhận lại điện thoại; bị cáo T và chị M đề nghị trả lại điện thoại cho chị M; vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này của bị cáo T2, bị cáo T và chị M.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn M, Nguyễn Thanh T2, Đặng Đình K, Nhâm Gia Q, Lê Văn T, Đoàn Văn L, Tống Văn T1 và Phạm Thị H phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn M 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 12.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T2 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 6.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 65; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Đình K 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 6.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 65; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nhâm Gia Q 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 6.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 07 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 6.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Phạm Văn M cho UBND xã Đ, huyện ĐH, tỉnh TB giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Đặng Đình K và Nhâm Gia Q cho UBND xã ĐA, huyện ĐH, tỉnh TB giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự, thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng: Khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 36; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn L 01 năm cải tạo không giam giữ; thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã ĐA, huyện ĐH, tỉnh TB nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo Đoàn Văn L cho UBND xã ĐA, huyện ĐH, tỉnh TB giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình Đoàn Văn L có trách nhiệm phối hợp với UBND xã ĐA, huyện ĐH, tỉnh TB trong việc giám sát, giáo dục Đoàn Văn L.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với Đoàn Văn L.

Phạt bổ sung Đoàn Văn L 8.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58, Điều 50, Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Phạt tiền bị cáo Tống Văn T1 30.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Tống Văn T1.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58, Điều 50, Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Phạt tiền bị cáo Phạm Thị H 25.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Thị H.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự .

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 16.600.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân từ A đến 9 là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

- Tuyên trả lại:

+ Bị cáo Phạm Thị H số tiền 9.400.000 đồng.

+ Bị cáo Phạm Văn M 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus và 01 tấm thảm đỏ.

+ Bị cáo Nguyễn Thanh T2 01 điện thoại di động Iphone 7.

+ Chị Đặng Thị M, sinh năm 1989 (vợ bị cáo Lê Văn T); nơi cư trú: Thôn Đông A, xã ĐA, huyện ĐH, tỉnh TB 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus.

(Các đồ vật và tài sản trên đã được bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH ngày 17/3/2022)

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Các bị cáo Phạm Văn M, Nguyễn Thanh T2, Đặng Đình K, Nhâm Gia Q, Lê Văn T, Đoàn Văn L, Tống Văn T1 và Phạm Thị H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND H.Đông Hưng;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS H.Đông Hưng;
- Công an H.Đông Hưng;
- UBND xã Đ;
- UBND xã ĐA;
- Lưu hồ sơ vụ án, cơ quan.

Đã ký

Lê Kiên Trung